

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Bác sĩ Răng Hàm Mặt sau
rà soát, cập nhật, chỉnh sửa năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-ĐHYHN ngày 05/02/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Y Hà Nội ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Hà Nội;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định 5044/QĐ-ĐHYHN ngày 10/11/2021 của Trường Đại học Y Hà Nội về việc ban hành Quy định xây dựng, cập nhật và phát triển chương trình đào tạo của Trường Đại học Y Hà Nội;

Căn cứ Biên bản họp số 21/BB-HĐKHĐT ngày 21 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng khoa học và đào tạo Trường Đại học Y Hà Nội về việc thông qua nội dung rà soát, cập nhật, chỉnh sửa chương trình đào tạo Bác sĩ Răng Hàm Mặt;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Bác sĩ Răng Hàm Mặt trình độ đại học của Trường Đại học Y Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các ông, bà trưởng phòng TCCB, ĐTDH, TCKT, Viện trưởng Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt, các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu ĐTDH, RHM, VT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo quyết định số 374 /QĐ-ĐHYHN ngày 13 tháng 02 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Hà Nội)

- Tên ngành đào tạo: Bác sĩ Răng Hàm Mặt
- Tên ngành tiếng Anh: Doctor of Dental Surgery
- Mã số: 7720501
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Hình thức đào tạo: Đào tạo chính quy
- Thời gian đào tạo: 06 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của chương trình đào tạo bác sĩ Răng Hàm Mặt tổng quát là trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và thái độ chuyên nghiệp để có thể thực hiện công tác chăm sóc, điều trị, và phòng ngừa các bệnh lý răng hàm mặt thường gặp. Người học sẽ phát triển khả năng làm việc độc lập, nghiên cứu khoa học và tự học suốt đời, có khả năng làm việc nhóm, sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin, đồng thời đáp ứng yêu cầu bảo vệ, chăm sóc sức khỏe răng miệng cho cộng đồng. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên sẽ đạt được năng lực tương đương với bậc 7 trong khung trình độ quốc gia, góp phần vào việc nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe răng miệng trong xu thế hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

- K1. Áp dụng kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở làm nền tảng cho y học lâm sàng chung và khoa học răng hàm mặt.
- K2. Áp dụng kiến thức cơ bản về trạng thái bình thường, bệnh sinh, bệnh căn, chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh răng hàm mặt thường gặp.
- K3. Áp dụng phương pháp luận khoa học trong công tác phòng bệnh, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học răng hàm mặt.
- K4. Tuân thủ luật pháp, chính sách của Nhà nước về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, gắn với sức khỏe răng miệng và hàm mặt.

1.2.2. Kỹ năng

- S1. Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản theo danh mục kỹ thuật trong phạm vi hành nghề cho phép bác sĩ răng hàm mặt được phép thực hiện đối với bất thường và bệnh lý răng hàm mặt: sâu răng, nha chu, rối loạn chức năng hệ thống nhai, mất răng, ung thư hốc miệng, dị tật bẩm sinh, viêm nhiễm, chấn thương hàm mặt.
- S2. Xử trí hiệu quả các trường hợp cấp cứu răng hàm mặt như: Chảy máu sau nhổ răng, viêm tủy răng, viêm nhiễm vùng miệng - hàm mặt, gãy xương hàm và các tổn thương liên quan
- S3. Thực hiện được công tác khám, điều tra sức khỏe răng miệng trong cộng đồng; ứng dụng công nghệ số trong việc phân tích dữ liệu sức khỏe cộng đồng và tổ chức các chương trình tư vấn, giáo dục dự phòng, chăm sóc và nâng cao sức khỏe răng hàm mặt.
- S4. Vận hành hiệu quả một đơn vị khám chữa bệnh răng hàm mặt, bao gồm các kỹ năng tổ chức, giám sát và tối ưu hóa nguồn lực.
- S5. Sử dụng thành thạo ngoại ngữ (tương đương bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam) và ứng dụng tin học trong học tập, nghiên cứu và nâng cao trình độ chuyên môn, đặc biệt là khai thác thông tin khoa học và công nghệ y học hiện đại.

1.2.3. Thái độ

- A1. Tận tâm với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; luôn tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.
- A2. Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy những truyền thống tốt đẹp của ngành y tế nói chung và của ngành RHM.
- A3. Tuân thủ luật pháp, đạo đức nghề nghiệp và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người bác sĩ.
- A4. Thể hiện được sự trung thực, khách quan và cầu thị; chủ động tiếp cận các tiến bộ khoa học, công nghệ và tự học suốt đời để nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

2. Chuẩn đầu ra

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học có khả năng:

Lĩnh vực 1: Giá trị đạo đức và tính chuyên nghiệp

PLO1. Thể hiện tính chuyên nghiệp và phát triển nghề nghiệp liên tục trong thực hành chăm sóc sức khỏe răng hàm mặt (C3/P3/A4).

PLO2. Tuân thủ các quy định pháp lý và chuẩn đạo đức nghề nghiệp trong thực hành chăm sóc sức khỏe răng hàm mặt (C3/P3/A4);

PLO3. Vận dụng năng lực ngoại ngữ để cập nhật thông tin và công nghệ mới trong lĩnh vực răng hàm mặt (C3/P3/A4).

Lĩnh vực 2: Kỹ năng tư duy, làm việc nhóm và giao tiếp

PLO4. Giao tiếp và phối hợp hiệu quả với người bệnh, thân nhân người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng trong thực hành chăm sóc sức khỏe răng hàm mặt (C3/P3/A4).

PLO5. Vận dụng được kiến thức nha khoa dựa trên bằng chứng trong thực hành chăm sóc sức khỏe răng hàm mặt (C3/P3/A4).

Lĩnh vực 3: Kiến thức

PLO6. Vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, y học lâm sàng và khoa học răng hàm mặt trong thực hành chăm sóc sức khỏe răng hàm mặt (C3).

PLO7. Vận dụng được kiến thức tăng cường sức khỏe và phòng ngừa bệnh tật trong chăm sóc sức khỏe răng hàm mặt cho cá nhân và cộng đồng (C3).

Lĩnh vực 4: Kỹ năng lâm sàng

PLO8. Thực hiện được khám, tổng hợp và diễn giải thông tin lâm sàng và cận lâm sàng; chẩn đoán chính xác các bệnh răng hàm mặt phổ biến (C3/P3/A4).

PLO9. Thiết lập kế hoạch điều trị chăm sóc sức khỏe răng hàm mặt toàn diện và tối ưu, theo nguyên tắc người bệnh là trung tâm (C3/P3/A4).

PLO10. Thực hiện được sơ cấp cứu và điều trị răng hàm mặt phù hợp với vai trò, chức năng bác sĩ răng hàm mặt; đảm bảo chăm sóc liên tục, an toàn và hiệu quả (C3/P3/A4).

Lĩnh vực 5: Phòng ngừa và nâng cao sức khỏe

PLO11. Xác định được những vấn đề sức khỏe răng hàm mặt thường gặp trong cộng đồng, lập kế hoạch và đề xuất giải pháp thích hợp (C3/P3/A4).

Lĩnh vực 6: Quản lý thực hành răng hàm mặt

PLO12. Ứng dụng các công nghệ quản lý hiện đại để tổ chức, quản lý và duy trì môi trường làm việc chuyên môn răng hàm mặt một cách an toàn và hiệu quả (C3/P3/A4).

3. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Có thể làm công tác chuyên môn tại các khoa Răng hàm mặt ở các bệnh viện, phòng khám chuyên khoa răng hàm mặt tư nhân hoặc các cơ sở chăm sóc sức khỏe răng miệng công lập, tư nhân với chức danh Bác sĩ (hạng III).

- Được tuyển dụng và bổ nhiệm tại cơ sở y tế công lập đúng chuyên ngành đào

tạo theo chức danh nghề nghiệp Bác sĩ Răng Hàm Mặt theo Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ Răng Hàm Mặt sửa đổi bổ sung theo Thông tư 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ Y tế.

- Chứng chỉ hành nghề được cấp theo luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023.

4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ

Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ, học tập để lên trình độ cao hơn trong cùng ngành nghề hoặc trong nhóm ngành nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành bác sĩ Răng Hàm Mặt có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn. Học Sau đại học đối với chuyên ngành có chuẩn đầu vào phù hợp với chuẩn đầu ra của chương trình này, đồng thời đáp ứng với các điều kiện tuyển sinh và quy định tại thời điểm tuyển sinh: bác sĩ nội trú, thạc sĩ, bác sĩ chuyên khoa I.

5. Các chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, tài liệu, chuẩn quốc tế đã tham khảo

5.1. Các văn bản tài liệu vận dụng

Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ban hành ngày 09/01/2023 của Quốc hội quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Quyết định 436/QĐ-TTg ngày 30/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ của Giáo dục đại học, giai đoạn 2020-2025.

Thông tư 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ Răng Hàm Mặt, sửa đổi bổ sung theo Thông tư 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ Y tế.

Thông tư 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp.

Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ban hành ngày 09/01/2023 của Quốc hội hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Công văn 769/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 20/4/2018 của Cục khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, được thay thế theo công văn số 1669/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 31/12/2019 của Cục khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Công văn 2196/BGDĐT-GDĐH ngày 22/4/2010 của Bộ giáo dục và đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo.

Công văn số 2435/BGDĐT – GDĐH ngày 14/4/2013 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc rà soát chuẩn đầu ra và biên soạn giáo trình;

Quyết định 5044/QĐ-ĐHYHN ngày 10/11/2021 của Trường Đại học Y Hà Nội ban hành Quy định xây dựng, cập nhật và phát triển trương trình đào tạo của Trường Đại học Y Hà Nội.

5.2. Chuẩn đầu ra ngành bác sĩ Răng Hàm Mặt tham khảo trong nước

(1) Chuẩn đầu ra CTĐT bậc đại học, ngành Bác sĩ Răng Hàm Mặt của Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh.

<https://dent.ump.edu.vn/dao-tao/dai-hoc/rang-ham-mat>

Chương trình đào tạo bác sĩ Răng Hàm Mặt - Trường đại học y dược TP Hồ Chí Minh (đã được kiểm định theo Nghị quyết số 42/NQ-HĐKĐCLGD ngày 22/08/2022)

(2) Chuẩn đầu ra CTĐT bậc đại học, ngành Bác sĩ Răng Hàm Mặt của Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên.

[https://drive.google.com/file/d/11FJPM-](https://drive.google.com/file/d/11FJPM-UvY1IsZkgTPLmoV4Q2IsT9JnWe/view?usp=sharing)

[UvY1IsZkgTPLmoV4Q2IsT9JnWe/view?usp=sharing](https://drive.google.com/file/d/11FJPM-UvY1IsZkgTPLmoV4Q2IsT9JnWe/view?usp=sharing)

Chương trình đào tạo bác sĩ Răng Hàm Mặt - Trường đại học y dược - Đại học Thái Nguyên. (đã được kiểm định theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐKĐCLGD ngày 10/03/2020)

5.3. Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo bác sĩ Răng Hàm Mặt tham khảo nước ngoài

Chuẩn đầu ra (chuẩn năng lực cơ bản của SEAADE)

<https://seaade.net/wp-content/uploads/2019/07/South-East-Asian-Association-for-Dental-Education-Competencies-of-New-General-Dental-Practitioner-3Oct2015.pdf>

Phụ lục 1:

Đánh giá mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo so với yêu cầu chuẩn đầu ra trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam ban hành theo Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ

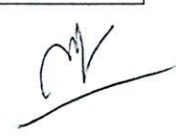
Khung trình độ quốc gia bậc 7	Chuẩn đầu ra CTĐT
<i>Kiến thức</i>	
Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản (K1)	PLO6: Vận dụng kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, y học lâm sàng và khoa học Răng Hàm Mặt. PLO7: Vận dụng kiến thức tăng cường sức khỏe và phòng ngừa bệnh tật.
Kiến thức liên ngành có liên quan (K2)	PLO7: Vận dụng kiến thức tăng cường sức khỏe và phòng ngừa bệnh tật.
Kiến thức chung về quản trị và quản lý (K3)	PLO12: Tổ chức, quản lý và duy trì môi trường làm việc chuyên môn răng hàm mặt.
<i>Kỹ năng</i>	
Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp khoa học (S1)	PLO5: Vận dụng kiến thức nha khoa dựa trên chứng cứ.
Kỹ năng truyền đạt tri thức, thảo luận chuyên môn (S2)	PLO4: Giao tiếp và phối hợp hiệu quả với bệnh nhân, đồng nghiệp và cộng đồng.
Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến (S3)	PLO12: Tổ chức, quản lý và duy trì môi trường làm việc chuyên môn răng hàm mặt.
Kỹ năng nghiên cứu, phát triển và sử dụng công nghệ sáng tạo (S4)	PLO8, PLO9, PLO10: Thực hiện các kỹ năng lâm sàng và cập nhật công nghệ mới.
Trình độ ngoại ngữ bậc 4/6 (S5)	PLO3: Vận dụng năng lực ngoại ngữ để cập nhật thông tin và công nghệ mới.
<i>Mức tự chủ và chịu trách nhiệm</i>	
Nghiên cứu, đưa ra sáng kiến quan trọng (A1)	PLO11: Lập kế hoạch và đề xuất giải pháp nâng cao sức khỏe cộng đồng.
Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác (A2)	PLO1: Thể hiện tính chuyên nghiệp và phát triển nghề nghiệp liên tục.
Đưa ra kết luận mang tính chuyên gia (A3)	PLO2: Tuân thủ các quy định pháp lý và chuẩn đạo đức nghề nghiệp.
Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn (A4)	PLO12: Tổ chức, quản lý và duy trì môi trường làm việc chuyên môn răng hàm mặt.

Phụ lục 2:

Mối liên hệ chuẩn đầu ra và các mục tiêu chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra CTĐT	Mục tiêu chương trình đào tạo
Lĩnh vực 1: Giá trị đạo đức và tính chuyên nghiệp	Thái độ: A3, A4; Kỹ năng: S5
PLO1. Thể hiện tính chuyên nghiệp và phát triển nghề nghiệp liên tục trong thực hành chăm sóc sức khỏe răng hàm mặt.	A4. Thể hiện được sự trung thực, khách quan và cầu thị; chủ động tiếp cận các tiến bộ khoa học, công nghệ và tự học suốt đời.
PLO2. Tuân thủ các quy định pháp lý và chuẩn đạo đức nghề nghiệp trong thực hành chăm sóc sức khỏe răng hàm mặt.	A3. Tuân thủ luật pháp, đạo đức nghề nghiệp và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người bác sĩ.
PLO3. Vận dụng năng lực ngoại ngữ để cập nhật thông tin và công nghệ mới trong lĩnh vực răng hàm mặt.	S5. Sử dụng thành thạo ngoại ngữ và ứng dụng tin học trong học tập, nghiên cứu và nâng cao trình độ chuyên môn.
Lĩnh vực 2: Kỹ năng tư duy, làm việc nhóm và giao tiếp	Kỹ năng: S3; Kiến thức: K3
PLO4. Giao tiếp và phối hợp hiệu quả với người bệnh, thân nhân người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng trong thực hành chăm sóc sức khỏe răng hàm mặt.	S3. Thực hiện được công tác khám, điều tra sức khỏe răng miệng trong cộng đồng và tổ chức các chương trình tư vấn.
PLO5. Vận dụng được kiến thức nha khoa dựa trên chứng cứ trong thực hành chăm sóc sức khỏe răng hàm mặt.	K3. Áp dụng phương pháp luận khoa học trong công tác phòng bệnh, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học.
Lĩnh vực 3: Kiến thức	Kiến thức: K1, K2
PLO6. Vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, y học lâm sàng và khoa học răng hàm mặt trong thực hành chăm sóc sức khỏe răng hàm mặt.	K1. Áp dụng kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở làm nền tảng.
PLO7. Vận dụng được kiến thức tăng cường sức khỏe và phòng ngừa bệnh tật trong chăm sóc sức khỏe răng hàm mặt cho cá nhân và cộng đồng.	K2. Áp dụng kiến thức cơ bản về chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh răng hàm mặt.

Lĩnh vực 4: Kỹ năng lâm sàng	Kỹ năng: S1, S2, S4
PLO8. Thực hiện được khám, tổng hợp và diễn giải thông tin lâm sàng và cận lâm sàng; chẩn đoán chính xác các bệnh răng hàm mặt phổ biến.	S1. Thực hiện các kỹ thuật cơ bản trong phạm vi hành nghề.
PLO9. Thiết lập kế hoạch điều trị chăm sóc sức khỏe răng hàm mặt toàn diện và hợp lý, theo nguyên tắc người bệnh là trung tâm.	S4. Vận hành hiệu quả một đơn vị khám chữa bệnh răng hàm mặt.
PLO10. Thực hiện được sơ cấp cứu và điều trị răng hàm mặt phù hợp với vai trò, chức năng bác sĩ răng hàm mặt; đảm bảo chăm sóc liên tục, an toàn và hiệu quả.	S2. Xử trí hiệu quả các trường hợp cấp cứu răng hàm mặt.
Lĩnh vực 5: Phòng ngừa và nâng cao sức khỏe	Kỹ năng: S3
PLO11. Xác định được những vấn đề sức khỏe răng hàm mặt thường gặp trong cộng đồng, lập kế hoạch và đề xuất giải pháp thích hợp.	S3. Thực hiện công tác điều tra sức khỏe cộng đồng và tổ chức các chương trình nâng cao sức khỏe răng miệng.
Lĩnh vực 6: Quản lý thực hành răng hàm mặt	Kỹ năng: S4
PLO12. Thực hiện tổ chức, quản lý và duy trì môi trường làm việc chuyên môn răng hàm mặt một cách an toàn và hiệu quả.	S4. Vận hành hiệu quả một đơn vị khám chữa bệnh răng hàm mặt.



Phụ lục 3:

So sánh chuẩn đầu ra với các Trường đào tạo ngành Bác sĩ Răng Hàm Mặt tại Việt Nam

Chuẩn đầu ra CTĐT xây dựng	Trường đại học tham khảo	
	Trường Đại học Y Dược TP HCM 2018; 2022	Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên 2019
Lĩnh vực 1: Giá trị đạo đức và tính chuyên nghiệp		
PLO1. Thể hiện tính chuyên nghiệp và phát triển nghề nghiệp liên tục trong thực hành chăm sóc sức khỏe răng hàm mặt.	C11: Thể hiện tính chuyên nghiệp và phát triển nghề nghiệp liên tục trong thực hành chăm sóc sức khỏe răng miệng	C1: Vận dụng được đường lối chính sách của Đảng và pháp luật trong chăm sóc sức khỏe. C14: Tự đánh giá năng lực bản thân và xác định mục tiêu phát triển nghề nghiệp. C17: Có năng lực làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong hoạt động chuyên môn.
PLO2. Tuân thủ các quy định pháp lý và chuẩn đạo đức nghề nghiệp trong thực hành chăm sóc sức khỏe răng hàm mặt .	C10: Tuân thủ các quy định pháp lý và chuẩn đạo đức nghề nghiệp trong thực hành chăm sóc răng miệng	C18: Chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động chuyên môn do bản thân thực hiện.
PLO3. Vận dụng năng lực ngoại ngữ để cập nhật thông tin và công nghệ mới trong lĩnh vực răng hàm mặt.		C13: Đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 3 trong khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc chứng chỉ quốc tế tương đương.
Lĩnh vực 2: Kỹ năng tư duy, làm việc nhóm và giao tiếp		

PLO4. Giao tiếp và phối hợp hiệu quả với người bệnh, thân nhân người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng trong thực hành chăm sóc sức khỏe răng hàm mặt.	C8: Giao tiếp và phối hợp hiệu quả với bệnh nhân, thân nhân bệnh nhân, đồng nghiệp và cộng đồng trong thực hành chăm sóc sức khỏe răng miệng.	C6: Giao tiếp hiệu quả với bệnh nhân, người nhà và cộng đồng. C7: Phối hợp tốt với đồng nghiệp và cộng đồng để triển khai hoạt động nghề nghiệp.
PLO5. Vận dụng được kiến thức nha khoa dựa trên chứng cứ trong thực hành chăm sóc sức khỏe răng hàm mặt.	C2: Vận dụng được kiến thức nha khoa dựa trên chứng cứ trong thực hành chăm sóc sức khỏe răng miệng	C2: Vận dụng kiến thức khoa học cơ bản, y nha cơ sở và Răng Hàm Mặt trong chăm sóc sức khỏe.
Lĩnh vực 3: Kiến thức		
PLO6. Vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, y học lâm sàng và khoa học răng hàm mặt trong thực hành chăm sóc sức khỏe răng hàm mặt.	C1: Vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, y học lâm sàng và khoa học răng hàm mặt trong thực hành chăm sóc sức khỏe răng miệng	C3: Vận dụng y học cổ truyền kết hợp với y học hiện đại trong chăm sóc sức khỏe răng miệng.
PLO7. Vận dụng được kiến thức tăng cường sức khỏe và phòng ngừa bệnh tật trong chăm sóc sức khỏe răng hàm mặt cho cá nhân và cộng đồng.	C3: Vận dụng được kiến thức tăng cường sức khỏe và phòng ngừa bệnh tật trong chăm sóc sức khỏe răng miệng cho cá nhân và cộng đồng.	C5: Vận dụng kiến thức kinh tế, văn hóa, xã hội trong chăm sóc răng miệng theo đặc thù vùng miền C4: Vận dụng phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong Răng Hàm Mặt.
Lĩnh vực 4: Kỹ năng lâm sàng		
PLO8. Thực hiện được khám, tổng hợp và diễn giải thông tin lâm sàng và cận lâm sàng; chẩn đoán chính xác các bệnh răng hàm mặt phổ biến.	C4: Thực hiện được khám, tổng hợp và diễn giải thông tin lâm sàng và cận lâm sàng, chẩn đoán chính xác các bệnh răng miệng phổ biến	C12: Thực hiện thủ thuật và thăm dò chức năng phục vụ chẩn đoán và điều trị bệnh.
PLO9. Thiết lập kế hoạch điều trị chăm sóc sức khỏe	C5: Thiết lập kế hoạch điều trị chăm sóc sức khỏe	C11: Chỉ định và phân tích xét nghiệm phục vụ

răng hàm mặt toàn diện và hợp lý, theo nguyên tắc người bệnh là trung tâm.	răng miệng toàn diện và hợp lý, theo nguyên tắc bệnh nhân là trung tâm.	chẩn đoán và xử trí bệnh Răng Hàm Mặt.
PLO10. Thực hiện được sơ cấp cứu và điều trị răng hàm mặt phù hợp với vai trò, chức năng bác sĩ răng hàm mặt; đảm bảo chăm sóc liên tục, an toàn và hiệu quả.	C6: Thực hiện được sơ cấp cứu và điều trị răng hàm mặt phù hợp với vai trò, chức năng bác sĩ răng hàm mặt, đảm bảo chăm sóc liên tục, an toàn và hiệu quả.	C15: Xử trí một số trường hợp cấp cứu răng hàm mặt. C16: Chẩn đoán, xử lý, theo dõi và dự phòng các bệnh Răng Hàm Mặt thường gặp.
Lĩnh vực 5: Phòng ngừa và nâng cao sức khỏe		
PLO11. Xác định được những vấn đề sức khỏe răng hàm mặt thường gặp trong cộng đồng, lập kế hoạch và đề xuất giải pháp thích hợp.	C7: Xác định được những vấn đề sức khỏe răng miệng thường gặp trong cộng đồng, lập kế hoạch và đề xuất giải pháp thích hợp	C9: Thực hiện truyền thông giáo dục sức khỏe răng miệng cho cá nhân và cộng đồng.
Lĩnh vực 6: Quản lý thực hành răng hàm mặt		
PLO 12. Thực hiện tổ chức, quản lý và duy trì môi trường làm việc chuyên môn răng hàm mặt một cách an toàn và hiệu quả	C9: Thực hiện tổ chức, quản lý và duy trì môi trường làm việc chuyên môn răng hàm mặt một cách an toàn và hiệu quả.	C19: Hướng dẫn và giám sát đồng nghiệp thực hiện các hoạt động chuyên môn. C8: Sử dụng thành thạo máy vi tính trong học tập và công việc. C10: Thực hiện được một số hoạt động phục vụ nghiên cứu khoa học.

Đường link chuẩn đầu ra tham khảo để đối sánh

- * Chuẩn đầu ra CTĐT bậc đại học, ngành Bác sĩ Răng Hàm Mặt của Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Link: <https://dent.ump.edu.vn/dao-tao/dai-hoc/rang-ham-mat>
- * Chuẩn đầu ra CTĐT bậc đại học, ngành Bác sĩ Răng Hàm Mặt của Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên. Link: https://drive.google.com/file/d/11FJPM-UvY1IsZkgTPLmoV4Q2IsT9JnWe/view?usp=drive_link

Phụ lục 4:

So sánh chuẩn đầu ra với các Trường đào tạo ngành Bác sĩ Răng Hàm Mặt
Trên Thế giới

Chuẩn đầu ra CTĐT Trường Đại học Y Hà Nội xây dựng	Trường đại học tham khảo
	Chuẩn năng lực cơ bản của SEAADE
Lĩnh vực 1: Giá trị đạo đức và tính chuyên nghiệp	
PLO1. Thể hiện tính chuyên nghiệp và phát triển nghề nghiệp liên tục trong thực hành chăm sóc sức khỏe răng hàm mặt.	Ethical Values: Phát triển đạo đức và sự chuyên nghiệp, cam kết học tập suốt đời.
PLO2. Tuân thủ các quy định pháp lý và chuẩn đạo đức nghề nghiệp trong thực hành chăm sóc sức khỏe răng hàm mặt .	Ethical and Legal Responsibilities: Hiểu và thực hiện các quy định pháp lý và đạo đức.
PLO3. Vận dụng năng lực ngoại ngữ để cập nhật thông tin và công nghệ mới trong lĩnh vực răng hàm mặt.	
Lĩnh vực 2: Kỹ năng tư duy, làm việc nhóm và giao tiếp	
PLO4. Giao tiếp và phối hợp hiệu quả với người bệnh, thân nhân người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng trong thực hành chăm sóc sức khỏe răng hàm mặt.	Interpersonal Skills: Giao tiếp, hợp tác hiệu quả với bệnh nhân và đồng nghiệp.
PLO5. Vận dụng được kiến thức nha khoa dựa trên chứng cứ trong thực hành chăm sóc sức khỏe răng hàm mặt.	"Apply evidence-based dentistry and critical thinking in clinical decision-making" (Áp dụng nha khoa dựa trên bằng chứng và tư duy phản biện trong việc ra quyết định lâm sàng).
Lĩnh vực 3: Kiến thức	
PLO6. Vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, y học lâm sàng và khoa học răng hàm mặt trong thực hành chăm sóc sức khỏe răng hàm mặt.	Knowledge: Kiến thức về khoa học cơ bản, sinh học và y nha cơ sở.
PLO7. Vận dụng được kiến thức tăng cường sức khỏe và phòng ngừa bệnh tật trong chăm sóc sức khỏe răng hàm mặt cho cá nhân và cộng đồng.	Health Promotion: Kiến thức và kỹ năng phòng ngừa, giáo dục sức khỏe cộng đồng.

Lĩnh vực 4: Kỹ năng lâm sàng	
PLO8. Thực hiện được khám, tổng hợp và diễn giải thông tin lâm sàng và cận lâm sàng; chẩn đoán chính xác các bệnh răng hàm mặt phổ biến.	Clinical Skills: Chẩn đoán và điều trị các vấn đề nha khoa từ cơ bản đến phức tạp.
PLO9. Thiết lập kế hoạch điều trị chăm sóc sức khỏe răng hàm mặt toàn diện và hợp lý, theo nguyên tắc người bệnh là trung tâm.	Treatment Planning Competency: Khả năng thiết lập và lập kế hoạch điều trị tổng thể cho bệnh nhân với phương pháp hợp lý. Patient-Centered Care Competency: Nhấn mạnh việc bệnh nhân là trung tâm trong quá trình chăm sóc và điều trị.
PLO10. Thực hiện được sơ cấp cứu và điều trị răng hàm mặt phù hợp với vai trò, chức năng bác sĩ răng hàm mặt; đảm bảo chăm sóc liên tục, an toàn và hiệu quả.	Clinical Skills: Điều trị khẩn cấp và xử lý các tình huống lâm sàng cấp bách.
Lĩnh vực 5: Phòng ngừa và nâng cao sức khỏe	
PLO11. Xác định được những vấn đề sức khỏe răng hàm mặt thường gặp trong cộng đồng, lập kế hoạch và đề xuất giải pháp thích hợp.	Health Promotion: Thực hiện các hoạt động phòng ngừa và nâng cao sức khỏe răng miệng cộng đồng.
Lĩnh vực 6: Quản lý thực hành răng hàm mặt	
PLO 12. Thực hiện tổ chức, quản lý và duy trì môi trường làm việc chuyên môn răng hàm mặt một cách an toàn và hiệu quả	Management: Quản lý và điều hành dịch vụ nha khoa hiệu quả.

Đường link chuẩn đầu ra tham khảo để đối sánh

Chuẩn năng lực cơ bản của SEAADE:

Link: <https://seaade.net/wp-content/uploads/2019/07/South-East-Asian-Association-for-Dental-Education-Competencies-of-New-General-Dental-Practitioner-3Oct2015.pdf>

Phụ lục 5:

So sánh chuẩn đầu ra với Chuẩn năng lực Bác sĩ Răng Hàm Mặt Việt Nam 2022

Chuẩn đầu ra CTĐT Trường Đại học Y Hà Nội xây dựng	<u>Chuẩn năng lực Bác sĩ RHM Việt Nam 2022</u>
Lĩnh vực 1: Giá trị đạo đức và tính chuyên nghiệp	Lĩnh vực I: Giá trị đạo đức và tính chuyên nghiệp
PLO1. Thể hiện tính chuyên nghiệp và phát triển nghề nghiệp liên tục trong thực hành chăm sóc sức khỏe răng hàm mặt.	I.1. Thể hiện các giá trị đạo đức và tính chuyên nghiệp trong hành nghề răng hàm mặt theo Luật Khám bệnh, chữa bệnh. I.6. Học tập suốt đời và phát triển nghề nghiệp liên tục.
PLO2. Tuân thủ các quy định pháp lý và chuẩn đạo đức nghề nghiệp trong thực hành chăm sóc sức khỏe răng hàm mặt .	I.1. Thể hiện các giá trị đạo đức và tính chuyên nghiệp trong hành nghề răng hàm mặt theo Luật Khám bệnh, chữa bệnh. I.2. Thể hiện sự chính trực, đồng cảm, trung thực, đáng tin cậy, am hiểu văn hóa và lòng nhân từ trong hành nghề.
PLO3. Vận dụng năng lực ngoại ngữ để cập nhật thông tin và công nghệ mới trong lĩnh vực răng hàm mặt.	I.4. Hành nghề răng hàm mặt một cách cập nhật và minh bạch.
Lĩnh vực 2: Kỹ năng tư duy, làm việc nhóm và giao tiếp	Lĩnh vực II: Kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp và làm việc nhóm
PLO4. Giao tiếp và phối hợp hiệu quả với người bệnh, thân nhân người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng trong thực hành chăm sóc sức khỏe răng hàm mặt.	II.4. Thể hiện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng truyền đạt và giao tiếp có hiệu quả với người bệnh, cộng đồng, đồng nghiệp và các chuyên gia chăm sóc sức khỏe khác.
PLO5. Vận dụng được kiến thức nha khoa dựa trên chứng cứ trong thực hành chăm sóc sức khỏe răng hàm mặt.	II.2. Thể hiện khả năng tiếp cận, phê bình và tổng hợp bằng chứng có liên quan từ nhiều nguồn để đưa ra quyết định lâm sàng phù hợp.
Lĩnh vực 3: Kiến thức	Lĩnh vực III: Kiến thức khoa học trong thực hành răng hàm mặt
PLO6. Vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, y học lâm sàng	III.1. Ứng dụng kiến thức khoa học cơ bản, y sinh học cơ sở và kiến thức lâm

và khoa học răng hàm mặt trong thực hành chăm sóc sức khỏe răng hàm mặt.	sàng y khoa liên quan răng hàm mặt.
PLO7. Vận dụng được kiến thức tăng cường sức khỏe và phòng ngừa bệnh tật trong chăm sóc sức khỏe răng hàm mặt cho cá nhân và cộng đồng.	V.1. Xác định các yếu tố nguy cơ và nguyên nhân gây bệnh răng miệng, hàm mặt để đề xuất biện pháp phù hợp.
Lĩnh vực 4: Kỹ năng lâm sàng	Lĩnh vực IV: Kỹ năng lâm sàng
PLO8. Thực hiện được khám, tổng hợp và diễn giải thông tin lâm sàng và cận lâm sàng; chẩn đoán chính xác các bệnh răng hàm mặt phổ biến.	IV.1. Thể hiện khả năng thu thập, lựa chọn, phân tích, diễn giải tất cả các thông tin/dữ liệu liên quan của người bệnh.
PLO9. Thiết lập kế hoạch điều trị chăm sóc sức khỏe răng hàm mặt toàn diện và hợp lý, theo nguyên tắc người bệnh là trung tâm.	IV.2. Thể hiện khả năng chẩn đoán và xây dựng kế hoạch điều trị răng miệng, hàm mặt toàn diện.
PLO10. Thực hiện được sơ cấp cứu và điều trị răng hàm mặt phù hợp với vai trò, chức năng bác sĩ răng hàm mặt; đảm bảo chăm sóc liên tục, an toàn và hiệu quả.	IV.5. Thể hiện khả năng nhận biết và xử trí các trường hợp cấp cứu hàm mặt, cấp cứu y khoa và nha khoa trong thực hành răng hàm mặt.
Lĩnh vực 5: Phòng ngừa và nâng cao sức khỏe	Lĩnh vực V: Dự phòng và nâng cao sức khỏe răng miệng
PLO11. Xác định được những vấn đề sức khỏe răng hàm mặt thường gặp trong cộng đồng, lập kế hoạch và đề xuất giải pháp thích hợp.	V.3. Phác thảo và tham gia vào chương trình nâng cao sức khỏe răng miệng, hàm mặt cộng đồng theo nhu cầu đã được xác định.
Lĩnh vực 6: Quản lý thực hành răng hàm mặt	Lĩnh vực VI: Tổ chức và quản lý hành nghề răng hàm mặt
PLO 12. Thực hiện tổ chức, quản lý và duy trì môi trường làm việc chuyên môn răng hàm mặt một cách an toàn và hiệu quả	VI.3. Có khả năng thực hiện kỹ năng quản trị và điều hành cơ sở khám chữa bệnh răng hàm mặt.

Đường link chuẩn đầu ra tham khảo để đối sánh

Chuẩn năng lực cơ bản Bác sĩ Răng Hàm Mặt Việt Nam 2022:

<https://drive.google.com/file/d/1gF5->

[RUmk75W9k_wSFY6VDDTnWgFJqchc/view?usp=sharing](https://drive.google.com/file/d/1gF5-RUmk75W9k_wSFY6VDDTnWgFJqchc/view?usp=sharing)

Phụ lục 6:

Mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo với tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường và nhu cầu của nhà sử dụng lao động

Mức độ đáp ứng “Tầm nhìn, sứ mạng của Trường” cũng như mức độ phù hợp với yêu cầu của các bên liên quan (cán bộ quản lý, giảng viên, nhà sử dụng lao động, giới chuyên môn) được đánh giá theo 5 mức từ 1 đến 5 trong đó:

Mức 1: Hoàn toàn không đồng ý

Mức 2: Không đồng ý

Mức 3: Phân vân, cần điều chỉnh

Mức 4: Đồng ý

Mức 5: Hoàn toàn đồng ý

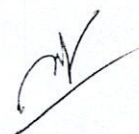
Mức độ đáp ứng/phù hợp của mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo với Tầm nhìn, sứ mạng của Trường được khảo sát trên 60 cán bộ quản lý, giảng viên ngành Răng Hàm Mặt, và 69 nhà sử dụng lao động, giới chuyên môn Răng Hàm Mặt.

Trình độ đào tạo	Số lượt khảo sát (n=129)	
	Số lượng (n)	Tỉ lệ %
Các bên liên quan	69	
Tiến sĩ	24,0	34,8
Thạc sĩ	30,0	43,5
Bác sĩ	15,0	21,7
Giảng viên:	60	
Tiến sĩ	21,0	35,0
Thạc sĩ	28,0	46,7
Bác sĩ	8,0	13,3

Kết quả khảo sát:**A. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**

Nội dung	Đánh giá mức độ phù hợp	
	Các bên liên quan	Giảng viên
2.1. Mục tiêu chung (mục tiêu tổng quát) Đào tạo bác sĩ Răng Hàm Mặt tổng quát có y đức; có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cơ bản về y học và răng hàm mặt, để xác định, đề xuất hướng giải quyết và tham gia giải quyết các vấn đề trong dự phòng, chẩn đoán và điều trị các bệnh răng hàm mặt thường gặp cho cá nhân và cộng đồng; có khả năng nghiên cứu khoa học và tự học nâng cao trình độ, có khả năng làm việc nhóm và có năng lực ngoại ngữ, công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc sức khỏe răng miệng cho nhân dân trong xu thế hội nhập quốc tế, khi tốt nghiệp đạt tương đương bậc 7 trong xếp hạng khung trình độ quốc gia.	4,6	4,3
2.2. Mục tiêu cụ thể Yêu cầu viết cụ thể theo 3 lĩnh vực:		
2.2.1. Kiến thức		
K1. Có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở làm nền tảng cho y học lâm sàng chung và khoa học răng hàm mặt.	4,6	4,4
K2. Có kiến thức cơ bản về trạng thái bình thường, bệnh sinh, bệnh căn, chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh răng hàm mặt thường gặp.	4,6	4,3
K3. Có phương pháp luận khoa học trong công tác phòng bệnh, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học răng hàm mặt.	4,5	4,3
K4. Hiểu biết luật pháp, cập nhật chính sách của Nhà nước về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, gắn với sức khỏe răng miệng và hàm mặt.	4,5	4,3

<p>2.2.2. <i>Kỹ năng</i></p> <p>S1. Chẩn đoán, xử trí ban đầu, điều trị theo danh mục kỹ thuật trong phạm vi hành nghề cho phép bác sĩ răng hàm mặt vừa tốt nghiệp được phép thực hiện đối với bất thường và bệnh lý răng hàm mặt: sâu răng, nha chu, rối loạn chức năng hệ thống nhai, mất răng, ung thư hốc miệng, dị tật bẩm sinh, viêm nhiễm, chấn thương hàm mặt ...</p>	4,5	4,3
<p>S2. Xử trí được các trường hợp cấp cứu răng hàm mặt như chảy máu sau nhổ răng, viêm tủy răng, gãy xương hàm, viêm nhiễm vùng miệng, hàm mặt ...</p>	4,5	4,3
<p>S3. Thực hiện được công tác khám, điều tra sức khỏe răng hàm mặt trong cộng đồng, tư vấn, giáo dục sức khỏe răng hàm mặt; phối hợp tổ chức việc dự phòng, chăm sóc và nâng cao sức khỏe răng hàm mặt cho cá nhân và cộng đồng.</p>	4,6	4,4
<p>S4. Quản lý được một đơn vị khám, chữa bệnh răng hàm mặt.</p>	4	4
<p>S5. Sử dụng được tối thiểu một ngoại ngữ (trình độ tương đương bậc 4/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam) và có kỹ năng tin học để học tập, nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn</p>	4,5	4,3
<p>2.2.3. <i>Thái độ</i></p>	4,6	4,4
<p>A1. Tận tụy với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.</p>		
<p>A2. Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy những truyền thống tốt đẹp của ngành y tế nói chung và của ngành RHM.</p>	4,7	4,4
<p>A3. Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp.</p>	4,7	4,4
<p>A4. Trung thực, khách quan, tự nhận thức năng lực cá nhân để ứng xử đúng với người bệnh, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ suốt sự nghiệp hành nghề.</p>	4,7	4,4

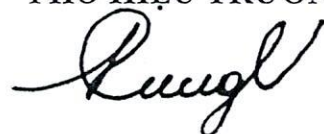


B. KHẢO SÁT VỀ CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BÁC SĨ RĂNG HÀM MẶT

CDR	Nội dung	Đánh giá mức độ phù hợp	Đánh giá mức độ đáp ứng	Đánh giá mức độ phù hợp	Đánh giá mức độ đáp ứng
		Các bên liên quan		Giảng viên	
	Lĩnh vực 1: Giá trị đạo đức và tính chuyên nghiệp				
PLO1	Thể hiện tính chuyên nghiệp và phát triển nghề nghiệp liên tục trong thực hành chăm sóc sức khỏe răng hàm mặt.	4.6	4.5	4.3	4.2
PLO2	Tuân thủ các quy định pháp lý và chuẩn đạo đức nghề nghiệp trong thực hành chăm sóc sức khỏe răng hàm mặt.	4.7	4.6	4.4	4.3
PLO3	Vận dụng năng lực ngoại ngữ để cập nhật thông tin và công nghệ mới trong lĩnh vực răng hàm mặt.	4.6	4.5	4.3	4.2
	Lĩnh vực 2: Kỹ năng tư duy, làm việc nhóm và giao tiếp				
PLO4	Giao tiếp và phối hợp hiệu quả với người bệnh, thân nhân người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng trong thực hành chăm sóc sức khỏe răng hàm mặt.	4.6	4.5	4.4	4.3
PLO5	Vận dụng được kiến thức nha khoa dựa trên chứng cứ trong thực hành chăm sóc sức khỏe răng hàm mặt.	4.5	4.5	4.3	4.2
	Lĩnh vực 3: Kiến thức				
PLO6	Vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, y học lâm sàng và khoa học răng hàm mặt trong thực hành chăm sóc sức khỏe răng hàm mặt.	4.5	4.5	4.4	4.3
PLO7	Vận dụng được kiến thức tăng cường sức khỏe và phòng ngừa bệnh tật trong chăm sóc sức khỏe răng hàm mặt cho cá nhân và cộng đồng.	4.5	4.5	4.3	4.2

	Lĩnh vực 4: Kỹ năng lâm sàng				
PLO8	Thực hiện được khám, tổng hợp và diễn giải thông tin lâm sàng và cận lâm sàng; chẩn đoán chính xác các bệnh răng hàm mặt phổ biến.	4.5	4.5	4.3	4.2
PLO9	Thiết lập kế hoạch điều trị chăm sóc sức khỏe răng hàm mặt toàn diện và hợp lý, theo nguyên tắc người bệnh là trung tâm.	4.5	4.5	4.3	4.2
PLO10	Thực hiện được sơ cấp cứu và điều trị răng hàm mặt phù hợp với vai trò, chức năng bác sĩ răng hàm mặt; đảm bảo chăm sóc liên tục, an toàn và hiệu quả.	4.6	4.5	4.3	4.3
	Lĩnh vực 5: Phòng ngừa và nâng cao sức khỏe				
PLO11	Xác định được những vấn đề sức khỏe răng hàm mặt thường gặp trong cộng đồng, lập kế hoạch và đề xuất giải pháp thích hợp.	4.5	4.4	4.3	4.2
	Lĩnh vực 6: Quản lý thực hành răng hàm mặt				
PLO12	Thực hiện tổ chức, quản lý và duy trì môi trường làm việc chuyên môn răng hàm mặt một cách an toàn và hiệu quả	4.4	4.3	4.3	4.2

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Lê Đình Tùng

Phụ lục 7 :

So sánh chuẩn đầu ra cập nhật và bản ban hành năm 2020

1. Thông tin chung

- Cấu trúc: Bản ban hành năm 2020 gồm 56 chuẩn được liệt kê chi tiết, bản cập nhật tinh gọn hơn gồm 12 chuẩn chia cụ thể theo 6 lĩnh vực năng lực nghề nghiệp.

- Nhóm năng lực cốt lõi được cụ thể hóa trong bản cập nhật, trong đó nhấn mạnh tính chuyên nghiệp, giao tiếp, tư duy lâm sàng, quản lý sức khỏe cộng đồng và ứng dụng công nghệ. Các kỹ năng lâm sàng không còn liệt kê chi tiết mà được nhóm thành các năng lực tổng quát, giúp đánh giá năng lực dễ dàng hơn.

- Chuẩn đầu ra mới làm rõ hơn trách nhiệm của Bác sĩ RHM trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng và ứng dụng công nghệ quản lý y tế.

2. Nội dung đối sánh theo 6 nhóm lĩnh vực

Lĩnh vực	Chuẩn đầu ra 2020	Chuẩn đầu ra cập nhật	Nội dung mới
1. Giá trị đạo đức và tính chuyên nghiệp	Nhấn mạnh đạo đức nghề nghiệp, tính chuyên nghiệp, tuân thủ quy định y tế và học tập suốt đời (PLO 51-56).	Gộp thành 3 chuẩn đầu ra (PLO1-PLO3), tập trung vào tính chuyên nghiệp, đạo đức, năng lực ngoại ngữ và CNTT.	Không liệt kê chi tiết về từng khía cạnh đạo đức mà tích hợp vào TH chăm sóc sức khỏe.
2. Kỹ năng tư duy, làm việc nhóm và giao tiếp	Yêu cầu giao tiếp, làm việc nhóm, trao đổi chuyên môn với đồng nghiệp và bệnh nhân (PLO 24-26).	Gộp thành 2 chuẩn đầu ra (PLO4-PLO5), nhấn mạnh giao tiếp và tư duy dựa trên bằng chứng.	Hướng tiếp cận mới nhấn mạnh phối hợp liên ngành và giao tiếp hiệu quả.
3. Kiến thức	Yêu cầu vận dụng kiến thức khoa học cơ bản, dịch tễ học, y học cơ sở, chẩn đoán, điều trị (PLO 1-7).	Gộp thành 2 chuẩn đầu ra (PLO6-PLO7), tập trung vào kiến thức tổng quát và phòng ngừa bệnh.	Nhấn mạnh kiến thức ứng dụng
4. Kỹ năng lâm sàng	Liệt kê chi tiết các kỹ thuật chẩn đoán, điều trị nha khoa, ngoại khoa, phục hình, chỉnh nha, phẫu thuật, cấp cứu (PLO 8-50).	Gộp thành 3 chuẩn đầu ra (PLO8-PLO10), nhấn mạnh khả năng chẩn đoán, lập kế hoạch điều trị và thực hiện điều trị.	Làm rõ vai trò của Bác sĩ RHM trong chăm sóc sức khỏe răng miệng tổng quát.
5. Phòng ngừa và nâng cao sức khỏe	Đề cập đến vai trò của nha sĩ trong sức khỏe cộng đồng, phòng ngừa bệnh răng miệng, quản lý yếu tố nguy cơ (PLO 5, 7, 11, 29-32).	Gộp thành 1 chuẩn đầu ra (PLO11), tập trung vào việc lập kế hoạch và giải pháp chăm sóc sức khỏe cộng đồng.	Nhấn mạnh vai trò quản lý sức khỏe răng miệng cộng đồng thay vì chỉ liệt kê
6. Quản lý thực hành Răng Hàm Mặt	Nhấn mạnh các nguyên tắc kiểm soát nhiễm khuẩn, quản lý bệnh án, sử dụng công nghệ trong điều trị (PLO 12-13, 28, 50).	Gộp thành 1 chuẩn đầu ra (PLO12), tập trung vào ứng dụng công nghệ trong quản lý và tổ chức thực hành RHM.	Tích hợp quản lý RHM với công nghệ quản lý hiện đại.